

CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VÀ CƠ HỘI THU HÚT FDI CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

Ths. Lâm Thị Quỳnh Anh

*Trưởng phòng Hội nhập kinh tế quốc tế trong nước
Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế*

Từ những năm 90s trở lại đây, thế giới đã và đang được chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng của các FTA để thiết lập các Khu vực thương mại tự do. Bản chất chung của các FTA là các nước tham gia dành cho nhau những ưu đãi về mở cửa thị trường, thực hiện tự do hoá thương mại, dịch vụ, đầu tư nhằm tối đa hoá lợi ích kinh tế của đất nước cả về kinh tế, chính trị và ngoại giao. Theo số liệu của WTO, hiện nay, đã có 459 thoả thuận thương mại khu vực (RTA) được thông báo tới WTO, trong đó có tới 249 FTA đã có hiệu lực¹¹⁰. Tất cả các thành viên của WTO (164 thành viên) đều đang thực thi ít nhất một FTA và nhiều thành viên đang tiếp tục tham gia đàm phán các FTA mới.

Sự bùng nổ của các FTA được coi là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh hội nhập đa phương với hiện thân là WTO gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là sự đình trệ của Vòng đàm phán Doha trong nhiều năm liền đã làm cản trở những tham vọng về việc đẩy nhanh tiến trình tự do hóa thương mại thông qua đàm phán đa phương. Trong bối cảnh đó, các nước nhận thấy rằng các cơ chế hợp tác khu vực và song phương có thể đưa lại những thoả thuận nhanh hơn, mức độ cam kết rộng và sâu hơn WTO. Do vậy, các nước đã nhanh chóng tăng cường hội nhập thông qua việc tham gia vào các tổ chức, diễn đàn kinh tế khu vực như Diễn đàn hợp tác Á Âu (ASEM, gồm 51 thành viên), Hiệp Diễn đàn hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (APEC, gồm 21 thành viên), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN, 10 thành viên) và tiến hành đàm phán, tham gia các Hiệp định thương mại tự do song phương và nhiều bên.

Đứng trước xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của thế giới và khu vực, cũng như căn cứ vào nhu cầu mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế, Việt Nam đã tích cực đẩy mạnh hợp tác kinh tế với các nước trên nhiều kênh, nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có việc đàm phán, tham gia các hiệp định

¹¹⁰ <https://www.wto.org>

thương mại tự do. Tiến trình này bắt đầu cùng với tiến trình gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực. Ngay sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã tham gia Hiệp định thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA). Với tư cách là thành viên ASEAN, Việt Nam đã lần lượt tham gia đàm phán ký kết Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các đối tác: Trung Quốc (ACFTA), Hàn Quốc (AKFTA), Nhật Bản (AJCEP), Ấn Độ (AIFTA), Úc và Niu Dilân (AANZFTA). Mới đây nhất, Việt Nam và các thành viên ASEAN đã ký kết FTA với Hồng Kong (AHKFTA) vào tháng 11 năm 2017. Hiện tại ASEAN và 6 nước đối tác: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc và Niu Dilân đang đàm phán Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP) nhằm đạt được một Hiệp định toàn diện chất lượng cao và góp phần làm sâu sắc thêm việc hội nhập của ASEAN vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Ngoài việc ký kết và tham gia các Hiệp định thương mại tự do với tư cách là thành viên ASEAN thì Việt Nam đã từng bước chủ động đàm phán, ký kết các FTA với tư cách là một bên độc lập. Hiệp định thương mại tự do đầu tiên mà Việt Nam đàm phán, ký kết với tư cách là một bên độc lập là Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (2008), tiếp đó là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê (2011). Nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc tham gia các FTA, tháng 8 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định ban hành Chiến lược tham gia các thoả thuận thương mại tự do đến năm 2020, trong đó xác định rõ quan điểm trong việc đàm phán các FTA là “tiếp tục và chủ động tham gia FTA để hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, nắm bắt những cơ hội mới để phát triển nhanh và bền vững”. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã tích cực đàm phán FTA với các đối tác: Hàn Quốc, Liên minh Kinh tế Á – Âu (EAEU), Liên minh Châu Âu (EU), và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), nay được đổi tên là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Chúng ta đã ký kết FTA với Hàn Quốc và Liên minh Kinh tế Á – Âu vào năm 2015, tham gia ký CPTPP vào tháng 3 năm 2018. FTA Việt Nam – EU cũng đã hoàn tất rà soát pháp lý và chuẩn bị tiến tới ký kết. Hiện tại, Việt Nam đang trong quá trình đàm phán FTA song phương với Israel và Khối EFTA (bao gồm 4 nước Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein). Trong số những FTA Việt Nam đã đàm phán, ký kết thì FTA Việt Nam – EU và CPTPP được coi là FTA thế hệ mới vì mức độ tự do hoá sâu rộng và phạm vi cam kết của Hiệp định không chỉ bao gồm các nội dung về tự do hóa thương mại hàng hóa, dịch vụ đầu tư

mà còn có cả các tiêu chuẩn trong một số lĩnh vực phi thương mại như lao động, công đoàn, môi trường....

Việc tham gia các FTA đã và đang đem lại cho Việt Nam những cơ hội và thách thức đan xen. Cùng với lộ trình thực hiện các cam kết mở cửa thị trường, có thể thấy tất cả các lĩnh vực/ hoạt động của nền kinh tế đang chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ các FTA, trong đó có việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thể hiện trên những khía cạnh sau:

Trước hết, các FTA góp phần làm tăng cường quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các đối tác, dỡ bỏ các rào cản thương mại, qua đó tạo điều kiện thu hút FDI từ các đối tác. Với 12 FTA đã ký kết (trong đó có 10 FTA đã có hiệu lực thực thi); 1 FTA đã kết thúc đàm phán và 4 FTA đang đàm phán, Việt Nam sẽ có quan hệ FTA với gần 100 đối tác tại 5 khu vực thị trường lớn nhất thế giới là: Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Âu (cả Đông Âu và Tây Âu), Châu Mỹ (cả Bắc Mỹ và Nam Mỹ) và Châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam sẽ có quan hệ FTA với 4 nền kinh tế lớn nhất thế giới (Trung Quốc, Nhật Bản, Đức và Pháp).¹¹¹ Việc tích cực đàm phán ký kết FTA trong thời gian qua đã giúp Việt Nam nâng tầm quan hệ kinh tế thương mại với các nước, qua đó các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu quan tâm chú ý nhiều hơn đến thị trường Việt Nam, kèm theo việc mở ra triển vọng hợp tác đầu tư, kinh doanh giữa Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài. Đến cuối năm 2017, đã có 126 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Những đối tác đầu tư quan trọng hàng đầu cũng đều là những đối tác thương mại chủ chốt trong các FTA đã có hiệu lực, trong đó Hàn Quốc đứng vị trí thứ nhất với tổng vốn đầu tư là 57,5 tỷ USD, chiếm 18,1% tổng vốn đầu tư; Nhật Bản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký là 49,1 tỷ USD, chiếm 15,5% tổng vốn đầu tư; Singapore đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 41,9 tỷ USD, chiếm 13,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam.¹¹²

Thứ hai là, mặc dù nội dung cam kết trong các FTA chủ yếu liên quan đến vấn đề mở cửa thị trường hàng hoá, cắt giảm thuế quan song vẫn có những điều khoản liên quan trực tiếp đến mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư và chính sách đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này càng được thể hiện rõ trong những FTA được đàm phán, ký kết từ năm 2012 trở lại đây và nhất là các FTA thế hệ mới như FTA Việt Nam – EU, CPTPP. Trong các lĩnh vực

¹¹¹ Việt Nam đã ký Hiệp định Thương mại song phương (BTA) với Hoa Kỳ vào năm 2000 nhưng đây chưa phải là FTA.

¹¹² Số liệu của CIEM- tháng 11/2017

đầu tư có cam kết, Việt Nam và các đối tác FTA đều khẳng định áp dụng những nguyên tắc quan trọng như: không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, không áp dụng một số biện pháp ảnh hưởng đến các nhà đầu tư của bên kia (như các yêu cầu: nhà đầu tư phải đạt một tỷ lệ hàm lượng nội địa nhất định; ưu tiên mua hàng nội địa; ràng buộc tỷ lệ nhập khẩu với xuất khẩu; hạn chế việc bán hàng trên lãnh thổ của nước đó; xuất khẩu hàng đạt một tỷ lệ nhất định; chuyển giao công nghệ, quy trình, bí quyết sản xuất cho chủ thể của bên kia...). Bên cạnh đó, Việt Nam ngày càng mở rộng thêm các lĩnh vực cho phép nhà đầu tư của các đối tác FTA được đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Những cam kết mở cửa thị trường dịch vụ và đầu tư rộng hơn dành cho các đối tác, cùng với các cam kết bảo hộ đầu tư, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư đang và sẽ tạo sức hấp dẫn để thu hút đầu tư từ các nước đối tác FTA vào Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ ba là, các cam kết mở cửa thị trường hàng hoá thông qua việc dỡ bỏ hàng rào thuế quan và dành cho nhau những ưu đãi về quy tắc xuất xứ trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết hoặc đang đàm phán không chỉ mở ra những cơ hội đầu tư, kinh doanh mới cho các doanh nghiệp Việt Nam mà cho cả các nhà đầu tư nước ngoài. Trong các FTA, thuế quan của các bên hầu hết đều được cắt giảm về 0 với lộ trình được xác định cụ thể kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Ví dụ, tổng hợp cả các cam kết trong FTA Việt Nam Hàn Quốc và FTA ASEAN – Hàn Quốc thì Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam 11.679 dòng thuế (chiếm 95,44% biểu thuế và tương đương với 97,22% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012). Đổi lại, Việt Nam sẽ xóa bỏ cho Hàn Quốc 8.521 dòng thuế (chiếm 89,15% biểu thuế và tương đương 92,72% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012)¹¹³. Trong Hiệp định TPP/CPTPP, thuế quan còn được cắt giảm sâu hơn và lộ trình thực hiện nhanh hơn, cụ thể là: Các nước cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu dành cho hàng hóa của Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực khoảng từ 78-95% số dòng thuế và xóa bỏ hoàn toàn từ 97-100% dòng thuế. Việt Nam cam kết xóa bỏ gần 100% số dòng thuế, trong đó 65,8% số dòng thuế có thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực; 97,8% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.¹¹⁴ Với những cam kết đó, cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hoá có xuất xứ Việt Nam ngày càng tăng lên. Do vậy, các nhà đầu tư nước ngoài đã đổ vốn vào Việt Nam để

¹¹³ Số liệu tổng hợp của VCCI

¹¹⁴ Số liệu tổng hợp của Bộ Tài chính

tận dụng cơ hội này. Một hiện tượng chúng ta thấy rất rõ là trong giai đoạn chuẩn bị kết thúc đàm phán TPP, đã rất có nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực dệt may tại Việt Nam để đón đầu cơ hội được hưởng những ưu đãi về cắt giảm thuế quan gắn liền với quy tắc xuất xứ khi Hiệp định đi vào thực thi. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2015, Việt Nam đã cấp phép cho 3 dự án lớn gồm: Dự án với tổng vốn đầu tư 660 triệu đô la Mỹ do nhà đầu tư Thổ Nhĩ Kỳ đầu tư tại Khu công nghiệp Đồng Nai với mục tiêu sản xuất và gia công các loại sợi; Dự án với tổng vốn đầu tư 300 triệu đô la Mỹ do nhà đầu tư British Virgin Islands đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu sản xuất sản phẩm may mặc cao cấp; Dự án với tổng vốn đầu tư 160,8 triệu đô la Mỹ do nhà đầu tư Hồng Kông đầu tư tại tỉnh Tây Ninh với mục tiêu sản xuất sợi, sản xuất vải màu¹¹⁵. Chúng ta cũng có thể thấy rõ là trong những năm qua, khối doanh nghiệp FDI đã có sự chuẩn bị kỹ càng trong việc thực thi các FTA và đã tận dụng rất tốt những ưu đãi từ các FTA mà Việt Nam đã ký kết. Đó cũng là một trong những lý do khiến hơn 70% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua đến từ khối doanh nghiệp FDI. Tỷ trọng của các doanh nghiệp có vốn FDI trong xuất khẩu tăng từ 57,2% năm 2007 lên 62,6% vào năm 2014 và 71% năm 2017. Các doanh nghiệp FTA đang trở thành “đầu tàu” xuất khẩu và có ảnh hưởng lớn đến kết quả xuất nhập khẩu của Việt Nam thời gian qua.

Song điều quan trọng nhất khiến các FTA giúp cho Việt Nam có thêm cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài lại xuất phát từ tác động của các FTA đối với thể chế kinh tế và môi trường kinh doanh của Việt Nam. Bản thân việc tham gia các FTA đã thể hiện nỗ lực và quyết tâm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, trong đó có nỗ lực cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Không kể một số đối tác trong ASEAN thì hầu hết đối tác FTA của Việt Nam đều có trình độ phát triển kinh tế cao hơn Việt Nam. Tuy nhiên, khi tham gia đàm phán FTA có nghĩa là Việt Nam đã chấp nhận bước vào một sân chơi tương đối song phẳng và đầy tính cạnh tranh. Các cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam và các đối tác về cơ bản là cân bằng lợi ích, có đi có lại và phù hợp với những quy tắc, thông lệ quốc tế. Chính việc thực thi những cam kết này đòi hỏi Chính phủ Việt Nam phải tăng cường hơn nữa việc rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng các chính sách, cơ chế mới để tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi cho các doanh

¹¹⁵ Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài

ng nghiệp trong và ngoài nước. Trong thời gian qua, chúng ta đã bỏ sung, sửa đổi, ban hành thêm nhiều bộ luật như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý Ngoại thương... theo hướng minh bạch, cởi mở hơn. Ví dụ, trong Luật Đầu tư sửa đổi 2015, điểm mới nhất chính là phương pháp tiếp cận khi làm luật, thay vì “chọn cho” (cái gì cho thì ghi trong luật), đã chuyển sang cách “chọn bỏ” (quy định những gì cấm, còn lại thì doanh nghiệp, nhà đầu tư được phép đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật). Điều này cũng phù hợp với phương pháp đàm phán về dịch vụ và đầu tư trong TPP (sử dụng phương pháp chọn bỏ - thay vì chọn cho như trong đàm phán các FTA trước đó). Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam cũng tích cực đẩy mạnh thủ tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, mà điển hình là việc thực hiện Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã thể hiện tinh thần tự cải cách, gắn với tiêu chí đánh giá phổ biến được quốc tế công nhận, để chủ động tháo gỡ những rào cản bất hợp lý đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Nhờ vậy, môi trường kinh doanh ngày một cạnh tranh hơn và được quốc tế công nhận: Việt Nam tăng 9 bậc trong năm 2016 và tăng 14 bậc trong năm 2017 (lên thứ 68/190) theo xếp hạng môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, thậm chí có những lĩnh vực cực kỳ ấn tượng như nộp thuế và bảo hiểm xã hội (tăng 81 bậc trong năm 2017), tiếp cận điện năng (tăng 32 bậc)¹¹⁶. Những nỗ lực xây dựng môi trường kinh doanh, đầu tư ngày càng minh bạch, lành mạnh và thông thoáng hơn đã làm cho Việt Nam ngày càng hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư quốc tế.

Thêm vào đó, việc thực hiện các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP) trong tương lai gần cũng tạo sức ép và động lực mạnh mẽ để Việt Nam cải cách toàn diện nền kinh tế. Khi tham gia các FTA thế hệ mới, Việt Nam sẽ phải xóa bỏ gần như 100% các dòng thuế, mở cửa mạnh các ngành dịch vụ.... Hơn thế, Việt Nam sẽ phải cam kết trong những lĩnh vực mới (chưa từng cam kết trước đó) như: doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, và cả những cam kết gắn với những vấn đề “phi thương mại” như lao động – công đoàn, môi trường... Việt Nam cũng sẽ phải thực hiện hàng loạt những chính sách sau đường biên giới liên quan đến sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, phòng vệ thương mại, các hàng rào kỹ thuật và kiểm dịch động thực vật... Việc thực thi những

¹¹⁶ Báo cáo của Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế

cam kết đó chắc chắn sẽ có tác động không nhỏ đến quá trình cải cách thể chế, chính sách pháp luật trong nước và sẽ tạo hiệu ứng tích cực để các nhà đầu tư từ các nước phát triển thêm yên tâm, tin tưởng khi rót vốn đầu tư vào Việt Nam.

Có thể khẳng định, việc đàm phán, ký kết và thực thi các FTA đã và sẽ tạo điều kiện cũng như mang lại cơ hội lớn cho Việt Nam trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ từ các đối tác FTA mà còn từ nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, cơ hội này còn phụ thuộc vào tình hình và kết quả thực thi các cam kết FTA của Việt Nam trong tương lai. Để biến cơ hội thành hiện thực, Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc thực thi hiệu quả các cam kết, gắn với nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Bên cạnh đó, cùng với việc tiếp nhận những lợi ích rõ ràng từ việc thu hút FDI như thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, tạo thêm việc làm và nâng cao trình độ cho người lao động, giúp các ngành và lĩnh vực tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu..., Việt Nam cũng cần xem xét để từng bước khắc phục sự chênh lệch giữa khối doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội trong việc tận dụng các FTA, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị xuất khẩu. Có như vậy, hai quá trình: tham gia các FTA và thu hút FDI mới bổ trợ tốt cho nhau và cùng đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế./.